

## HOSE

21/01/2014

VNINDEX 559.91 6.25 1.13%

 KLGD 100,920,439 CP  
 GTGD 1,981.66 Tỷ  
 GTR NDTNN 205.47 Tỷ

 CP Tăng giá 152 CP  
 CP Giảm giá 70 CP  
 CP Đứng giá 82 CP


## HNX

21/1/2014

HNXINDEX 73.56 1.06 1.46%

 KLGD 51,430,627 CP  
 GTGD 551.59 Tỷ  
 GTR NDTNN 82.12 Tỷ

 CP Tăng giá 135 CP  
 CP Giảm giá 84 CP  
 CP Đứng giá 160 CP


## VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 634.08 13.39 2.16%  
 HNX30 144.52 4.65 3.33%

## Tâm điểm

- ▶ **Dòng tiền gia tăng mạnh ở phiên chiều đầu 2 sàn tăng điểm tích cực**
- ▶ **Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức cao**  
 Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn nếu loại trừ GDĐT đạt khoảng 2.200 tỷ đồng.
- ▶ **2014: Xuất khẩu tiếp tục là động lực của nền kinh tế**  
 Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam có thể tăng tới 20%  
 Hà Nội Mới
- ▶ **Thương mại Việt Nam - ASEAN: Tăng trưởng trung bình 17%/năm**  
 ASEAN đã và đang trở thành đối tác thương mại lớn của Việt Nam  
 Công Thương
- ▶ **Năm 2013, doanh nghiệp thành lập mới tăng 10%**  
 Với tổng số vốn đăng ký là 398,681 tỷ đồng, giảm 14.7% so với năm 2012  
 Đầu Tư Chứng Khoán
- ▶ **DRC - Lãi 375 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch cả năm**  
 Lợi nhuận năm 2013 tăng 20.25% so với năm 2012  
 Trí Thức Trẻ
- ▶ **PGD - Lãi sau thuế quý 4 giảm 56% xuống 6.3 tỷ đồng**  
 Lũy kế cả năm 2013, PGD đạt 209 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế  
 Công Lý

## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	841,549	2,149	13.5	3.2	3.35
HNX	98,900	487	23.0	1.5	3.71
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>940,449</b>	<b>1,691</b>	<b>14.4</b>	<b>3.1</b>	<b>3.48</b>
<b>Theo ngành</b>					
Nhựa, cao su & sợi	7,550	5,683	4.7	1.0	0.43
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,886	5,910	5.9	1.6	0.40
Thép và sản phẩm thép	24,000	1,430	12.0	1.3	1.72
Khai khoáng	12,022	1,376	23.3	5.0	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	13,916	961	11.5	1.2	1.60
Xây dựng	20,919	4	2,261.3	0.8	3.37
Máy công nghiệp	7,374	1,550	14.3	1.5	0.88
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	7,246	3,559	8.8	1.2	0.40
Lốp xe	6,357	4,039	8.7	2.4	1.26
Nuôi trồng nông & hải sản	13,386	1,729	10.7	1.1	2.25
Thực phẩm	210,534	3,746	24.4	5.7	0.58
Dược phẩm	12,654	5,495	10.8	2.8	0.78
Phần mềm	12,323	4,951	7.7	1.8	1.00
Sản xuất & phân phối điện	19,771	1,854	7.5	1.2	1.23
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,282	5,562	10.6	3.9	0.50
Bảo hiểm nhân thọ	31,506	1,634	28.3	2.5	2.69
Môi giới chứng khoán	16,526	435	21.3	0.9	0.57
Ngân hàng	202,880	1,576	11.6	1.4	10.91
Bất động sản	120,896	456	46.9	3.5	3.12
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	19,294	4,020	6.6	1.3	1.63

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin kinh tế

**2014: Xuất khẩu tiếp tục là động lực của nền kinh tế**

Mới đây, một số tổ chức kinh tế quốc tế đã đưa ra nhận định năm 2014 sẽ là một năm thành công về xuất khẩu của Việt Nam nhờ tình hình kinh tế ở một số địa bàn quan trọng đang phục hồi khá mạnh, kéo theo sự gia tăng về nhu cầu tiêu dùng. Theo đó, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam có thể tăng tới 20%, tức là mức rất cao so với mức 15,4% đã đạt được trong năm 2013 vừa qua. Đặc biệt, việc tăng mạnh về xuất khẩu sẽ hỗ trợ các hoạt động kinh tế đối ngoại, nhất là tạo ra sự hấp dẫn để tăng trưởng thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**Thương mại Việt Nam - ASEAN: Tăng trưởng trung bình 17%/năm**

Trong những năm gần đây, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và ASEAN liên tục tăng trung bình khoảng 17%/năm. Dẫn thống kê từ Nghiên cứu Chỉ số hợp tác Việt Nam 1992-2012 vừa được Bộ Công Thương công bố mới đây cho thấy, so với năm 2003, thương mại hai chiều ASEAN - Việt Nam tăng gần 4 lần, đạt 35.3 tỷ USD vào năm 2011. Đến năm 2012, con số này đã lên tới hơn 38 tỷ USD. Cũng trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang ASEAN khoảng 23% và nhập khẩu là 19%.

**Năm 2013, doanh nghiệp thành lập mới tăng 10%**

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho biết, trong năm 2013, cả nước có 76,955 DN đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký 398,681 tỷ đồng, tăng 10.1% về số DN và giảm 14.7% về số vốn đăng ký so với năm 2012. Cũng trong năm qua, cả nước có 60,737 DN giải thể và ngừng hoạt động, tăng 11.9% so với cùng kỳ; có 14,402 DN dừng hoạt động quay trở lại thị trường trong năm này. Qua theo dõi số liệu các tháng trong năm 2013, số DN gặp khó khăn phải ngừng hoạt động đã có chiều hướng giảm dần đi qua từng tháng.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin doanh nghiệp

**HT1 - Lãi sau thuế quý 4 tăng 135% cùng kỳ**

CTCP Xi măng Hà Tiên 1 (HOSE: HT1) công bố lợi nhuận sau thuế quý 4/2013 đạt 73 tỷ đồng, tăng mạnh 135% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần trong kỳ của HT1 đạt 1,766 tỷ đồng, tăng 14% so với quý 4/2012. Lợi nhuận sau thuế cũng cao gấp 2.3 lần cùng kỳ và đạt 73 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2013 của HT1 lại giảm mạnh 73% xuống còn 2.5 tỷ đồng. Kết quả lợi nhuận trước thuế công ty đạt 5.38 tỷ đồng, cao gấp 5 lần kế hoạch đặt ra (1.07 tỷ đồng).

**DRC - Lãi 375 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch cả năm**

Doanh thu thuần quý 4 của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (HOSE: DRC) đạt 790 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong năm 2013, giá cao su tự nhiên có xu hướng sụt giảm, gây khó khăn đặc biệt cho các doanh nghiệp cao su tự nhiên, đồng thời là lợi thế dành cho các doanh nghiệp sẫm lốp. Tuy vậy, trong riêng quý 4, tỷ trọng giá vốn/doanh thu thuần của DRC vẫn tăng 2.7 điểm % so với cùng kỳ. Đồng thời, chi phí tài chính được đẩy lên đáng kể khiến lãi ròng quý 4 của DRC chỉ còn 96 tỷ đồng, tăng nhẹ so với quý 4/2012. Lũy kế cả năm, DRC lãi ròng 375 tỷ đồng, tăng 20.25% so với năm 2012. So với kế hoạch, năm 2013 công ty đã hoàn thành vượt mức 19.9%.

**PGD - Lãi sau thuế quý 4 giảm 56% xuống 6.3 tỷ đồng**

Doanh thu thuần trong kỳ của CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (HOSE: PGD) tăng 16% so với quý 4/2012 lên 1,654 tỷ đồng. Tuy nhiên, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đều tăng đáng kể lên 62 tỷ và 49 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế của PGD giảm mạnh 56% xuống còn 6.3 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2013, PGD đạt 209 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, giảm 8% so với năm trước, vượt 61% kế hoạch năm (129.45 tỷ đồng). Tính đến cuối năm 2013, tiền và các khoản tương đương tiền của PGD tăng 58% so với đầu năm lên 927 tỷ đồng. Công ty không có các khoản vay nợ ngắn và dài hạn. Trong khi đó, phải trả người bán tăng 47% lên mức 1,478 tỷ đồng.

**HOSE** 21/01/2014 VNINDEX 559.91 6.25 1.13% 100,920,439 CP 1,981.66 bil VND

**Dòng tiền gia tăng mạnh ở phiên chiều đẩy 2 sàn tăng điểm tích cực**

VN-Index tăng 6.25 điểm (1.13%), đóng cửa tại mức 559.91 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, bóng dưới dài, thân nến dài vừa phải, VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất phiên.

- MA10, MA20 tiếp tục đi lên cho thấy tín hiệu ngắn hạn vẫn rất tích cực.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục tăng lên, điều này cho thấy xu hướng thị trường đang rất tích cực.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại và vẫn đang ở trong ngưỡng quá mua.
- RSI (14) tăng lên mức 89, là mức rất cao.



**HOSE Top 5 theo KLGD**

ITA	0.4 (6.1%)	14,207,610
SSI	0.9 (4.4%)	4,866,660
FLC	0.5 (6.3%)	4,328,680
HAG	0.3 (1.4%)	3,303,200
MBB	0.4 (3.0%)	2,699,220

**HOSE Top 5 theo % tăng**

SRF	1.3 (7.0%)	18,800
KDH	0.9 (6.9%)	25,070
THG	0.6 (6.8%)	2,000
TCM	1.8 (6.8%)	1,032,580
BVH	3 (6.8%)	1,724,650

**HOSE Top 5 theo % giảm**

SFC	-1.5 (-7.0%)	1,360
BRC	-0.8 (-7.0%)	200
PDR	-1 (-6.9%)	30
VST	-0.2 (-6.9%)	296,620
TDW	-1.1 (-6.6%)	10

**HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN**

VIC	31,3 tỷ	405,660
STB	28,6 tỷ #VALUE!	
VCB	28,5 tỷ	972,970
PPC	20,0 tỷ	766,350
BVH	19,7 tỷ	424,090

**HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN**

MSN	-11,9 tỷ	124,150
DPM	-10,6 tỷ	223,510
GAS	-2,7 tỷ	34,910
PAC	-2,5 tỷ	124,530
EIB	-2,1 tỷ	162,120

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	8,722,250	205.47

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ Sau phiên sáng với sự suy yếu của nhóm vốn hóa lớn, đà tăng VN-Index được thiết lập lại khi sự đồng thuận tăng cao ở phiên chiều và đóng cửa ở mức cao nhất phiên.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao, dù áp lực chốt lời khá lớn. Tuy nhiên lực cầu thực sự mạnh mẽ ở cuối phiên đã đẩy nhiều mã tăng trần.
- ▶ VN-Index đóng cửa ở vùng đỉnh của 4 năm qua. Việc khối ngoại tiếp tục mua ròng sẽ giúp VN-Index tăng điểm.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng khá mạnh. Nếu khối ngoại vẫn duy trì đà mua ròng như hiện nay thì nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm.
- ▶ NĐT có thể thực hiện chốt lời những mã đã đạt lợi nhuận, việc mua mới chỉ nên tập trung vào mã có kỳ vọng KQKD quý 4 tốt hoặc kín room.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	77.0	145,915.00	6,141	10.7	4.0	0.47
VNM	833.5	141.0	117,527.12	7,294	19.9	7.2	0.22
VIC	928.6	79.5	73,826.30	1,210	52.5	5.4	4.36
VCB	2,317.4	29.6	68,595.55	1,804	15.5	1.5	8.89
MSN	705.1	96.5	68,046.09	1,467	66.1	4.3	1.19
CTG	3,266.1	16.5	53,891.38	2,633	7.4	1.5	13.42
BVH	680.5	47.2	32,118.25	1,634	28.3	2.5	2.69
STB	1,142.5	21.1	24,106.99	523	32.5	1.3	10.05
HPG	419.1	54.0	22,628.84	3,005	10.2	1.4	1.12
DPM	379.9	48.0	18,236.84	7,410	5.5	1.6	0.14

**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	11.7	2,721.42	13.0	0.5	NA	T.ĐỔI
PPC	318.2	26.4	8,399.28	5.6	1.6	NA	T.ĐỔI
PHR	78.5	31.0	2,433.19	4.8	1.1	31.0	GIỮ
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.5	1.9	NA	T.ĐỔI
VSC	28.6	63.5	1,819.02	5.0	1.2	NA	T.ĐỔI
DPM	379.9	48.0	18,236.84	5.5	1.6	NA	T.ĐỔI

**HNX**      21/01/2014      HNX-Index      73.56      1.06      1.46%      51,430,627 CP      551.59 bil. VND

### Dòng tiền gia tăng mạnh ở phiên chiều đẩy 2 sàn tăng điểm tích cực

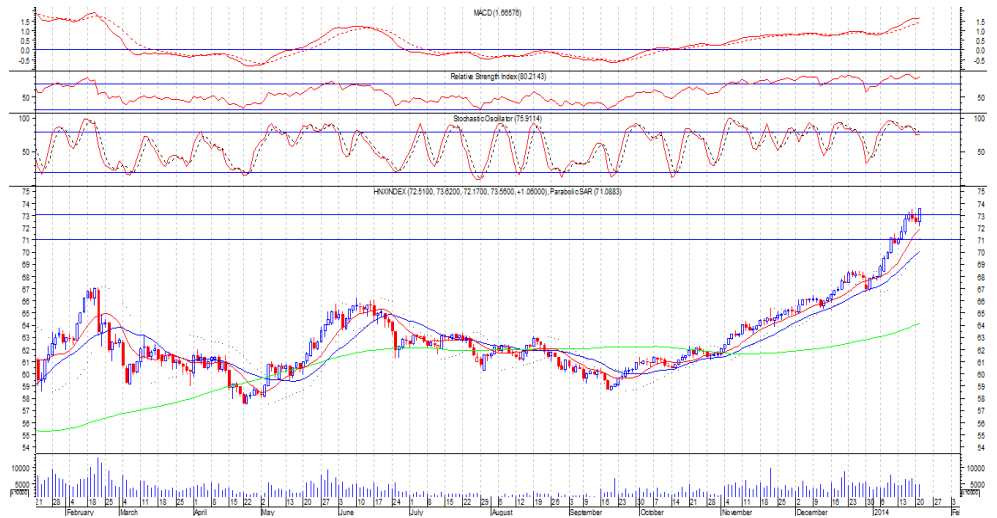
Chỉ số HNX-Index tăng 1.06 điểm (+1.46%), đóng cửa tại mốc 73.56 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm rất tích cực.

- MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng, điều này cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn được duy trì.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi đi ra khỏi vùng quá mua vẫn duy trì ở ngưỡng đi ngang.

- Tín hiệu MACD Histogram gia tăng trở lại và cho thấy xu hướng thị trường vẫn đang rất tích cực.

- RSI (14) tăng trở lại mức 80.



### HNX Top 5 theo KLGD

SHN	-0.4 (-8.5%)	5,964,670
PVS	2.6 (9.9%)	5,883,680
VCG	0.6 (5.8%)	5,011,330
SHB	0 (0.0%)	4,373,190
PVX	0.1 (3.7%)	3,735,770

### HNX Top 5 theo % tăng

HBE	0.5 (10.0%)	4,100
INC	0.5 (10.0%)	200
VE4	0.8 (10.0%)	-
AAA	2 (10.0%)	757,900
PVS	2.6 (9.9%)	5,883,680

### HNX Top 5 theo % giảm

INN	-3 (-10.0%)	100
RCL	-2.1 (-9.8%)	400
VCS	-2 (-9.8%)	17,300
CJC	-2 (-9.8%)	1,600
MCC	-1.4 (-9.7%)	100

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	61,9 tỷ	#VALUE!
SHB	12,3 tỷ	#VALUE!
VCG	6,8 tỷ	635,200
VND	1,0 tỷ	90,500
AAA	0,8 tỷ	37,300

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

DBC	-1,0 tỷ	43,700
BVS	-0,8 tỷ	66,500
MEC	-0,4 tỷ	61,100
PVG	-0,3 tỷ	21,000
CAP	-0,3 tỷ	9,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	4,603,930	82.12

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực điều chỉnh ở sàn Hà Nội hôm nay ít đi khi nhiều mã chủ chốt sau khi điều chỉnh đã tăng điểm tích cực trở lại. Nhóm dầu khí như PVS, PGS... tiếp tục thu hút sự chú ý.
- ▶ Thanh khoản duy trì ở mức tương đương với phiên hôm qua, đặc biệt dòng tiền gia tăng mạnh vào phiên chiều cho thấy sự tích cực của nhà đầu tư.
- ▶ Đà tăng của HNX-Index vẫn đang duy trì. Mặc dù vẫn có những nhịp điều chỉnh nhưng nếu khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng thì HNX-Index nhiều khả năng tiếp tục tăng.
- ▶ Khối ngoại vẫn giữ đà mua ròng khá mạnh ở sàn Hà Nội. Nếu khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng như hiện tại, thì HNX-Index sẽ không điều chỉnh nhiều.
- ▶ NĐT có thể thực hiện chốt lời những mã đã đạt lợi nhuận, việc mua mới chỉ nên tập trung vào mã có kỳ vọng KQKD quý 4 tốt hoặc kín room.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	16.1	14,836.40	432	37.0	1.2	12.61
PVS	446.7	28.9	12,909.64	3,133	5.3	1.0	1.80
SQC	110.0	78.2	8,602.00	1,110	70.5	6.3	0.28
SHB	886.1	7.2	6,379.80	- 266	- 25.6	0.6	9.78
VCG	441.7	10.9	4,814.65	267	42.7	1.0	4.03
PVI	226.3	18.7	4,230.96	1,552	10.2	0.6	0.80
LAS	77.8	43.4	3,377.91	5,137	7.4	2.4	1.04
NTP	43.3	64.3	2,786.63	6,884	7.4	1.9	0.38
OCH	100.0	27.6	2,760.00	1,100	23.6	2.3	2.24
VNR	100.8	24.0	2,419.86	3,340	6.7	0.9	0.80

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	34.9	1,326.20	4.5	0.9	NA	T.ĐỔI
AAA	19.8	22.1	437.58	3.1	0.5	NA	T.ĐỔI
VND	100.0	13.4	1,339.66	7.8	0.8	NA	T.ĐỔI
NTP	43.3	64.3	2,786.63	7.4	1.9	NA	T.ĐỔI
LHC	2.0	59.3	118.60	3.9	1.1	NA	T.ĐỔI
DXP	7.9	47.6	374.85	4.8	1.6	NA	T.ĐỔI

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>EPS</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>D/E</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,550	5,683	4.7	1.0	0.43
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,886	5,910	5.9	1.6	0.40
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	852	418	11.9	0.4	2.04
Sản xuất giấy	532	658	9.9	0.5	0.94
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	24,000		12.0	1.3	1.72
Khai khoáng					
Khai thác than	1,356	493	19.6	0.7	4.74
Khai khoáng	12,022	1,376	23.3	5.0	0.33
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	13,916	961	11.5	1.2	1.60
Xây dựng	20,919	4	2,261.3	0.8	3.37
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,998	2,898	6.0	1.1	0.98
Công nghiệp phức hợp	184	- 1,157 -	5.4	0.5	0.59
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,540	1,007	12.6	1.4	0.77
Thiết bị điện	1,182	- 533 -	8.6	0.5	1.09
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	23	263	15.9	0.3	0.44
Máy công nghiệp	7,374	1,550	14.3	1.5	0.88
Vận tải					
Vận tải thủy	3,886	- 930 -	5.0	0.5	1.45
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	7,246	3,559	8.8	1.2	0.40
Dịch vụ vận tải	3,990	1,703	8.7	1.1	0.81
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,355	2,515	5.1	0.9	2.40
Đào tạo & Việc làm	181	196	34.0	0.6	1.91
Nhà cung cấp thiết bị	154	981	7.3	0.8	2.42
Chất thải & Môi trường	88	6,140	1.7	0.6	1.22
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,250	952	10.5	0.9	1.43
Lốp xe	6,357	4,039	8.7	2.4	1.26
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,112	2,998	5.1	0.9	0.72
Vang & Rượu mạnh	207	2,255	10.2	1.5	0.75
Đồ uống & giải khát	162	3,671	4.1	0.8	0.38
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,386	1,729	10.7	1.1	2.25
Thực phẩm	210,534	3,746	24.4	5.7	0.58
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	18	- 870 -	1.7	0.2	0.32
Thiết bị gia dụng	1,377	1,629	7.0	0.8	1.32
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	151	4,838	3.4	1.0	0.40
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	1,892	2,046	7.4	0.9	1.64
Giày dép	4	1,938	1.3	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,019	3,221	8.2	1.5	0.89
Thuốc lá					
Thuốc lá	680		52.5	0.9	3.04

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	949	4,635	4.1	1.0	0.86
Dụng cụ y tế	66	5,189	1.9	1.2	1.62
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	120	928	11.3	0.8	0.55
Dược phẩm	12,654	5,495	10.8	2.8	0.78
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	359	636	44.8	1.1	2.55
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	539	914	14.8	0.9	1.06
Phân phối hàng chuyên dụng	2,812	3,252	8.6	1.9	3.48
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	5	2,907	1.6	0.3	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	850	1,572	5.9	0.8	0.69
Du lịch và giải trí					
Hàng không	70	4,511	5.2	2.1	1.04
Khách sạn	2,980	880	24.1	2.3	2.02
Dịch vụ giải trí	1,441	639	17.7	1.6	0.91
Vận tải hành khách & Du lịch	1,010	1,530	10.6	1.8	0.49
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	54	628	12.7	0.4	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	383	33	137.6	0.5	1.40
Internet	163	3,039	0.7	0.4	3.98
Phần mềm	12,323	4,951	7.7	1.8	1.00
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	255	779	7.9	0.4	1.32
Thiết bị văn phòng	164	3,027	4.6	0.7	0.21
Thiết bị viễn thông	2,104	1,056	10.3	0.9	0.32
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	19,771	1,854	7.5	1.2	1.23
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,282	5,562	10.6	3.9	0.50
Nước	853	2,446	4.6	0.9	0.58
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,049	516	17.0	0.7	1.69
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,421	1,465	9.1	0.6	0.83
Tái bảo hiểm	2,248	3,340	6.7	0.9	0.80
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,506	1,634	28.3	2.5	2.69
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,180	69	153.5	1.0	2.44
Môi giới chứng khoán	16,526	435	21.3	0.9	0.57
Ngân hàng					
Ngân hàng	202,880	1,576	11.6	1.4	10.91
Bất động sản					
Bất động sản	120,896	456	46.9	3.5	3.12
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	672	5.0	0.4	0.88
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	19,294	4,020	6.6	1.3	1.63

- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.